

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ CẨM GIÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 295 /BC - UBND

*Cẩm Giàng, ngày 17 tháng 12 năm 2025*

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 76 /NQ-HĐND ngày 10 /12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 4585/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị Quyết số 16/NQ-HĐND; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND xã Cẩm Giàng về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND xã Cẩm Giàng về việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư năm 2025 của HĐND xã Cẩm Giàng;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND xã Cẩm Giàng về việc giao dự toán ngân sách xã năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Cẩm Giàng về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2025;

Ủy ban nhân dân xã báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Cẩm Giàng năm 2026 như sau:

## PHẦN I

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Năm 2025, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, hầu hết các lĩnh vực đạt kết quả tốt hơn so với cùng kỳ năm trước, tạo đà phát triển trong thời gian tới, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã vượt kế hoạch giao đầu năm. Bên cạnh những thuận lợi còn có những khó khăn, tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, đã gây ra nhiều thiệt hại ở các lĩnh vực (*đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp theo số liệu thống kê diện tích lúa bị thiệt hại do cơn bão số 5 của các hộ dân trên địa bàn xã đề nghị hỗ trợ là 1.753 triệu đồng*) ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương.

Dưới sự lãnh đạo sát sao của Đảng uỷ, HĐND xã, UBND xã; sự nỗ lực tập trung trong việc tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành. Trên cơ sở Nghị quyết của HĐND xã, UBND xã đã giao kế hoạch thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 đến từng cơ quan, đơn vị đảm bảo công khai, minh bạch, thực hiện đúng các quy định của Luật Ngân sách. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

#### I. TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

##### 1. Thu ngân sách

Tính đến ngày 17/12/2025 tổng số thu ngân sách trên địa bàn xã là : **193.984 triệu đồng** đạt 159,02% so với dự toán giao đầu năm, vượt 59,02% dự toán giao (193.994trđ/121.895trđ) Trong đó :

- Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp : 17.607 triệu đồng, đạt 137,66% so với dự toán giao đầu năm, vượt 37,66% dự toán giao (17.607 triệu đồng/12.790 triệu đồng)

- + Thu thuế GTGT từ khu vực ngoài quốc doanh : 1.091 triệu đồng
- + Thu thuế thu nhập cá nhân : 8.061 triệu đồng
- + Thu lệ phí trước bạ : 2.326 triệu đồng
- + Thu các loại phí, lệ phí khác : 143 triệu đồng
- + Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp : 414 triệu đồng
- + Thu tiền sử dụng đất : 535 triệu đồng
- + Thu từ đất công ích và hoa lợi công sản : 694 triệu đồng
- + Thu khác ngân sách : 343 triệu đồng

- + Thu các khoản đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng : 4.000 triệu đồng
  - Thu bổ sung cân đối từ cấp trên: 114.334 triệu đồng, đạt 105% so với dự toán giao (vượt 5% dự toán giao)
  - Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên : 48.058 triệu đồng
  - Thu chuyển nguồn từ huyện Cẩm Giàng chuyển về : 14.097 triệu đồng
- Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện năm 2025 là: **197.250 triệu đồng**, đạt 176,83% so với kế hoạch năm.

## 2. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách toàn xã đến ngày 17/12/2025 là: **125.994 triệu đồng**, đạt tỷ lệ 112,4% so với dự toán giao đầu năm vượt, 12,4% dự toán giao (125.994 triệu đồng/112.080 triệu đồng).

## II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025.

### 1. Ưu điểm

- Trên cơ sở dự toán đã được HĐND xã thông qua đầu năm 2025, UBND xã đã bám sát các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách theo dự toán được giao. Trong năm, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng trong công tác thu ngân sách nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch giao đầu năm.

- Dự toán giao cho các phòng ban, cơ quan, đơn vị, đoàn thể theo đúng định mức, chế độ quy định. Thực hiện nghiêm việc công khai ngân sách, đảm bảo dân chủ, tạo điều kiện cho các ban ngành đoàn thể chủ động với kinh phí được giao.

- Chi ngân sách năm đảm bảo chi đúng, chi đủ, chi sát dự toán, đúng chế độ, ưu tiên chi cho con người và các chế độ chính sách. Dự toán bổ sung có mục tiêu của cấp trên được giao kịp thời cho các đơn vị dự toán. Các nhiệm vụ phát sinh được điều hành hợp lý, hiệu quả. Đảm bảo kinh phí được giao chi đúng theo nguyên tắc tài chính hiện hành, chấp hành và thực hiện nghiêm luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Hạn chế các khoản chi tiếp khách hội nghị, tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết khác.

### 2. Tồn tại, hạn chế

- Do quá trình thực hiện chính quyền 2 cấp xã Cẩm Giàng được thành lập mới trên cơ sở sáp nhập 3 xã cũ là xã: Ngọc Liên, Lương Điền và Cẩm Hưng. Công tác bàn giao số liệu, phương án xử lý tài chính của Phòng Tài chính huyện Cẩm Giàng (cũ) và cơ quan cấp trên còn chậm nên ảnh hưởng tới quá trình điều hành ngân sách thu, chi của xã.

- Nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, chi trả nợ XDCB cần nhiều nguồn vốn, trong khi đó việc khai thác nguồn thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp gặp nhiều khó khăn. Phần lớn số vốn đầu tư được sử dụng từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên. Do chưa hoàn thiện công tác đấu giá đất đối với các dự án đấu giá đề ra theo kế hoạch nên nguồn thu từ tiền sử dụng đất đạt tỷ lệ thấp 5,16% so với kế hoạch giao đầu năm, một số công trình chi đầu tư xây dựng cơ bản phải điều chỉnh giảm cho ra khỏi kế hoạch chi.

**PHẦN II**  
**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THU, CHI**  
**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và kết quả thu, chi ngân sách năm 2025. UBND xã Cẩm Giàng đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn xã như sau:

**1. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2026.**

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2026: **203.158 triệu đồng.**

Trong đó:

- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 156.951 triệu đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên: 1.080 triệu đồng
- Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là: 45.127 triệu đồng. Bao gồm:

- + Thu thuế từ khu vực ngoài quốc doanh : 21.784 triệu đồng
- + Thu lệ phí trước bạ : 6.500 triệu đồng
- + Thu các loại phí, lệ phí khác : 150 triệu đồng
- + Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp : 530 triệu đồng
- + Thu tiền sử dụng đất : 12.974 triệu đồng
- + Thu tiền thuê đất : 1.444 triệu đồng
- + Thu từ đất công ích và hoa lợi công sản : 1.645 triệu đồng
- + Thu khác ngân sách : 100 triệu đồng

**2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026.**

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương năm 2026 : **203.158 triệu đồng.**

Trong đó :

- Chi bổ sung cân đối ngân sách cấp trên cấp : 156.951 triệu đồng
- Chi bổ sung có mục tiêu cấp trên cấp : 1.080 triệu đồng
- Chi từ nguồn NSDP được hưởng theo phân cấp : 45.127 triệu đồng  
(trong đó : chi từ tiền sử dụng đất: 12.974 triệu đồng, chi khác: 32.153 triệu đồng)

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

**2. Một số giải pháp tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026.**

Để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2026 các phòng ban, cơ quan, đơn vị cần tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

## 2.1 Tổ chức quản lý thu ngân sách

- Tổ chức thực hiện đúng các quy định pháp luật về thuế.
- Tập trung chỉ đạo quyết liệt, thực hiện nghiêm Luật quản lý thuế, chống thất thu, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế; đôn đốc các doanh nghiệp nộp đầy đủ vào NSNN phần lợi nhuận còn lại sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định.
- Cơ quan thuế tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, trong đó tập trung vào các lĩnh vực thu từ đất đai, thu từ hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng cường thu hút các nhà đầu tư vào địa bàn xã.
- Các phòng chức năng, đơn vị đẩy nhanh các dự án có liên quan đến đấu giá thu tiền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất và tập trung xử lý các dự án còn tồn đọng chưa tính tiền sử dụng đất để tăng thêm nguồn thu cho ngân sách.
- Ủy ban nhân dân xã thường xuyên theo dõi sát tình hình biến động kinh tế - xã hội, những nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách trên địa bàn để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, pháp luật trên địa bàn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp ổn định, phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo nguồn thu vững chắc, lâu dài cho ngân sách xã.

## 2.2. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách

Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, Phòng Kinh tế, kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được HĐND xã và UBND xã quyết định, kiểm soát chi chặt chẽ, đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Trong đó lưu ý:

- Tổ chức điều hành chi NSNN chủ động, tiết kiệm, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Các đơn vị cần thực hiện triệt để Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật phòng chống tham nhũng trong việc sử dụng kinh phí từ ngân sách và kinh phí có nguồn gốc từ NSNN. Tăng cường quản lý điều hành tài chính ngân sách gắn với các ưu tiên phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh - quốc phòng; bố trí ưu tiên các nhiệm vụ cơ bản, thiết yếu đảm bảo nguồn lực thực hiện chính sách tiền lương cơ sở, các chế độ chính sách an sinh xã hội, bám sát và thực hiện tốt các mục tiêu Đại hội Đảng bộ xã đề ra.
- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu ngay từ khâu xây dựng dự toán NSNN năm 2026.
- Các đơn vị cần bám sát chỉ đạo của cấp trên, lường thu để chi, điều hành dự toán chi ngân sách năm 2026 linh hoạt, hiệu quả kể cả tiền sử dụng đất cũng như các nhiệm vụ khác.

- Ủy ban nhân dân xã chủ động thực hiện điều hành dự toán được duyệt, đảm bảo hiệu quả, bố trí các khoản thu theo thứ tự ưu tiên, trước hết đảm bảo chi lương, các khoản phụ cấp, trợ cấp, chi an sinh xã hội... và khả năng cân đối ngân sách. Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

- Điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách, thu cân đối với chi. Trường hợp thu cân đối ngân sách địa phương giảm so với dự toán, cần rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên, cắt giảm hoạt giãn, hoãn thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, trong đó phải đảm bảo nguồn thanh toán các khoản chi về tiền lương và có tính chất lương, các khoản chi thường xuyên để đảm bảo hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, các khoản chi an sinh xã hội, chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình, dự án quan trọng.

Các ban ngành, đơn vị tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Đồng thời xử lý kịp thời; đầy đủ những sai phạm phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong quản lý, điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách. Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các quy định về công khai ngân sách theo Luật Ngân sách Nhà nước. Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện đầy đủ quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai phạm trong quá trình quản lý tài chính, ngân sách.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ, giải pháp thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của xã Cẩm Giàng./. *tt*

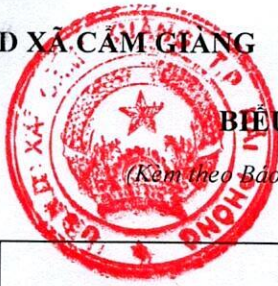
**Nơi nhận:**

- Thường trực, BTV Đảng ủy, BCHĐB;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, PKT *tt*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**



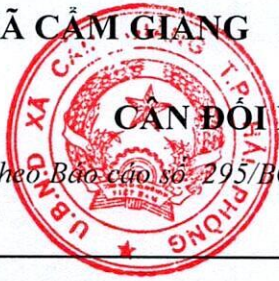
**Nguyễn Quang Sáng**



**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số 295/BC- UBND ngày 17/12//2025 của HĐND xã Cẩm Giàng)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026		Ghi chú
		Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP	
A	B	7	8	
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>248.742</b>	<b>203.158</b>	
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>90.711</b>	<b>45.127</b>	
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	40.340	21.784	Điều tiết thu
2	Lệ phí trước bạ	11.500	6.500	Lệ phí trước bạ nhà đất 100% cấp xã, còn lại 50%
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	530	530	100%
5	Thuế thu nhập cá nhân			
6	Thuế bảo vệ môi trường			
7	Phí, lệ phí	150	150	100%
8	Tiền sử dụng đất	32.436	12.974	40%
9	Thu tiền thuê đất, mặt nước	3.610	1.444	40%
10	Thu tiền sử dụng khu vực biển			
11	Thu từ bán tài sản nhà nước			
12	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
13	Thu khác ngân sách	500	100	Trong đó NS xã 100%
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
15	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.645	1.645	100%
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>			
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>			
<b>IV</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>158.031</b>	<b>158.031</b>	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	156.951	156.951	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.080	1.080	

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số 295/BC- UB ND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Cẩm Giàng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>5</i>
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>203.158</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>45.127</b>
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	3.925
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	41.202
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>158.031</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	156.951
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.080
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>203.158</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>202.078</b>
1	Chi đầu tư phát triển	12.974
2	Chi thường xuyên	185.121
3	Dự phòng ngân sách	3.983
4	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>	<b>1.080</b>
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.080
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	



## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 295/BC- UB ND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Cẩm Giang

ĐV tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
A	B	3
<b>A</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I-III)</b>	<b>203.158.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển (1)</b>	<b>12.974.000</b>
1	Chi đầu tư XD CB tập trung	
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (chi sự nghiệp kinh tế)	12.974.000
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên (2)</b>	<b>186.201.000</b>
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	90.220.000
2	Chi khoa học và công nghệ	390.000
3	Chi quốc phòng	2.901.000
4	Chi an ninh	2.704.000
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	4.439.000
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.592.000
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	300.000
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	355.000
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.929.000
10	Chi hoạt động kinh tế	27.843.000
11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	28.274.000
12	Chi bảo đảm xã hội	22.328.000
13	Chi khác	926.000
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>3.983.000</b>
<b>B</b>	<b>SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NS CẤP XÃ</b>	<b>158.031.000</b>
1	Bổ sung cân đối	156.951.000
2	Bổ sung có mục tiêu (3)	1.080.000

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

(Kính theo Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 17/2/2025 của UBND xã Cẩm Giang)

Đơn vị: nghìn đồng

**CHI THUƠNG XUYỀN**

**TRONG ĐÓ:**

STT	TỔNG CHI THUƠNG XUYỀN TRƯỚC TRỪ TK 10% CHI TX	CHI ĐẦU TƯ	TỔNG CHI THUƠNG XUYỀN TRƯỚC TRỪ TIẾT KIỆM	TRONG ĐÓ:													TỔNG CHI THUƠNG XUYỀN SAU TRỪ TIẾT KIỆM	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	
				Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và TTTXHX	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa, thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, HĐND	Chi đảm bảo xã hội	Chi thường xuyên khác			TIẾT KIỆM 10% CHI TX
A	TỔNG SỐ (I+II+III)	D	E=I+2++ +13	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	F	H	
I	Chi đầu tư	12.974.000	186.201.000	90.220.000	2.901.000	2.704.000	390.000	4.439.000	1.592.000	300.000	355.000	3.929.000	40.817.000	28.274.000	22.328.000	926.000	4.699.000	181.502.000	3.983.000
II	Chi thường xuyên	12.974.000	186.201.000	90.220.000	2.901.000	2.704.000	390.000	4.439.000	1.592.000	300.000	355.000	3.929.000	27.843.000	28.274.000	22.328.000	926.000	4.699.000	181.502.000	-
1	Văn phòng Đảng ủy xã	9.240.669	9.240.669											9.240.669			9.240.669	8.876.869	
2	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	5.096.451	5.096.451											5.096.451			5.096.451	4.888.051	
3	Văn phòng HĐND và UBND	13.484.970	13.484.970											7.750.970		429.000	327.700	13.157.270	
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	25.283.407	25.283.407	650.000	2.601.000	2.704.000	390.000		500.000	200.000				1.715.407	21.828.000		220.184	25.063.223	
5	Phòng Kinh tế	33.502.338	33.502.338											2.074.411			1.708.600	31.793.738	
6	Trung tâm hành chính công	1.696.092	1.696.092											1.696.092			64.400	1.631.692	
7	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công	1.691.073	1.691.073						892.000	300.000	155.000		344.073				70.700	1.620.373	
8	Khởi trường học	77.353.000	77.353.000	77.353.000													859.300	76.493.700	
	Trường mầm non Cẩm Hưng	7.384.000	7.384.000	7.384.000													81.400	7.302.600	
	Trường mầm non Ngọc Liên	8.281.000	8.281.000	8.281.000													92.300	8.188.700	
	Trường mầm non Lương Điền	10.648.000	10.648.000	10.648.000													114.500	10.533.500	
	Trường Tiểu học Cẩm Hưng	6.761.000	6.761.000	6.761.000													77.500	6.683.500	
	Trường Tiểu học Ngọc Liên	8.425.000	8.425.000	8.425.000													97.700	8.327.300	
	Trường Tiểu học Lương Điền	12.344.000	12.344.000	12.344.000													141.700	12.202.300	
	Trường THCS Cẩm Hưng	6.150.000	6.150.000	6.150.000													58.800	6.091.200	
	Trường THCS Ngọc Liên	7.746.000	7.746.000	7.746.000													95.800	7.650.200	
	Trường THCS Lương Điền	9.614.000	9.614.000	9.614.000													99.600	9.514.400	
9	Kinh phí chưa phân bổ	18.853.000	18.853.000		300.000				200.000					700.000	500.000	497.000	875.916	17.977.084	
III	Chi dự phòng ngân sách	3.983.000																	3.983.000





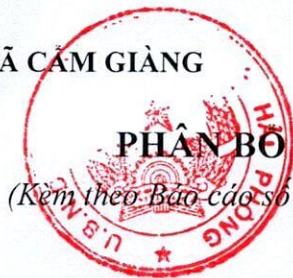
## PHÂN BỐ KINH PHÍ KHỎI TRƯỜNG

(Kèm theo Báo cáo số 295/NQ-HĐND ngày 17/12/2025 của UBND xã Cẩm Giang

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	TIẾT KIỆM CHI	DỰ TOÁN SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM CHI	GHI CHÚ
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.353.000</b>	<b>859.300</b>	<b>76.493.700</b>	
<b>1</b>	<b>Trường Mầm non Cẩm Hưng</b>	<b>7.384.000</b>	<b>81.400</b>	<b>7.302.600</b>	
	Kinh phí lương	6.208.000		6.208.000	
	Kinh phí nghiệp vụ	814.000	81.400	732.600	
	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	362.000		362.000	
<b>2</b>	<b>Trường Mầm non Ngọc Liên</b>	<b>8.281.000</b>	<b>92.300</b>	<b>8.188.700</b>	
	Kinh phí lương	6.953.000		6.953.000	
	Kinh phí nghiệp vụ	923.000	92.300	830.700	
	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	405.000		405.000	
<b>3</b>	<b>Trường Mầm non Lương Điền</b>	<b>10.648.000</b>	<b>114.500</b>	<b>10.533.500</b>	
	Kinh phí lương	8.968.000		8.968.000	
	Kinh phí nghiệp vụ	1.145.000	114.500	1.030.500	
	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	535.000		535.000	
<b>4</b>	<b>Trường Tiểu học Cẩm Hưng</b>	<b>6.761.000</b>	<b>77.500</b>	<b>6.683.500</b>	
	Kinh phí lương	5.657.000		5.657.000	
	Kinh phí nghiệp vụ	775.000	77.500	697.500	
	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	329.000		329.000	
<b>5</b>	<b>Trường Tiểu học Ngọc Liên</b>	<b>8.425.000</b>	<b>97.700</b>	<b>8.327.300</b>	
	Kinh phí lương	7.045.000		7.045.000	
	Kinh phí nghiệp vụ	977.000	97.700	879.300	
	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	403.000		403.000	
<b>6</b>	<b>Trường Tiểu học Lương Điền</b>	<b>12.344.000</b>	<b>141.700</b>	<b>12.202.300</b>	
	Kinh phí lương	10.332.000		10.332.000	
	Kinh phí nghiệp vụ	1.417.000	141.700	1.275.300	
	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	595.000		595.000	
<b>7</b>	<b>Trường THCS Cẩm Hưng</b>	<b>6.150.000</b>	<b>58.800</b>	<b>6.091.200</b>	
	Kinh phí lương	5.248.000		5.248.000	
	Kinh phí nghiệp vụ	588.000	58.800	529.200	
	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	314.000		314.000	
<b>8</b>	<b>Trường THCS Ngọc Liên</b>	<b>7.746.000</b>	<b>95.800</b>	<b>7.650.200</b>	
	Kinh phí lương	6.416.000		6.416.000	
	Kinh phí nghiệp vụ	958.000	95.800	862.200	
	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	372.000		372.000	
<b>9</b>	<b>Trường THCS Lương Điền</b>	<b>9.614.000</b>	<b>99.600</b>	<b>9.514.400</b>	
	Kinh phí lương	8.132.000		8.132.000	
	Kinh phí nghiệp vụ	996.000	99.600	896.400	
	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	486.000		486.000	

UBND XÃ CẨM GIÀNG



**PHÂN BỐ DỰ TOÁN VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY XÃ**

(Kèm theo Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã Cẩm Giàng)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	TIẾT KIỆM CHI	DỰ TOÁN SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM CHI	GHI CHÚ
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.240.669</b>	<b>363.800</b>	<b>7.610.869</b>	
1	Kinh phí lương	3.549.864		3.549.864	
2	Phụ cấp cấp ủy	370.656		370.656	
3	Phụ cấp ban chỉ đạo 35, báo cáo viên	232.000		232.000	
5	Định mức xe ô tô	260.000	26.000	234.000	
6	Kinh phí mua xe ô tô	1.080.000	108.000	972.000	
7	Kinh phí hoạt động đảng theo Quyết định 99/QĐ-TW, NQ 28, QĐ 443, báo cáo viên, dư luận viên, hội nghị, chi khác	1.234.000	123.400	1.110.600	
8	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách	1.266.000			
9	Kinh phí hoạt động theo định mức	1.064.000	106.400	957.600	
10	Quỹ thưởng 73	184.149		184.149	

Biên chế được giao: 19 người

Biên chế hiện có: 15 người 03HD

Định mức hoạt động 56 triệu/biên chế được giao

Kinh phí lương đã bao gồm dự kiến nâng lương và kinh phí lương của biên chế thiếu theo định mức  
Quỹ thưởng 73 tính trên hệ số lương (có bao gồm hệ số lương của biên chế thiếu theo định biên



## PHÂN BỐ DỰ TOÁN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã Cẩm Giàng)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	TIẾT KIỆM CHI	DỰ TOÁN SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM CHI	GHI CHÚ
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.096.451</b>	<b>208.400</b>	<b>4.888.051</b>	
1	Kinh phí lương	1.289.279		1.289.279	
2	Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” ở cấp xã; thôn, khu dân cư	216.000		216.000	
3	Ban Thanh tra nhân dân	10.000		10.000	
4	Kinh phí hoạt động theo định mức	384.000	38.400	345.600	
5	Cán bộ KCC	1.517.000		1.517.000	
6	Kinh phí hoạt động TX, mua sắm, sửa chữa, chi khác	650.000	50.000	600.000	
7	KP hoạt động của Đoàn thanh niên	300.000	30.000	270.000	
8	KP hoạt động của Hội phụ nữ	180.000	30.000	150.000	
9	KP hoạt động của Hội nông dân	300.000	30.000	270.000	
10	KP hoạt động của Hội CCB	180.000	30.000	150.000	
11	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	70.172		70.172	

Biên chế được giao: 8 người

Biên chế hiện có: 5 người 03 HĐ

Định mức hoạt động 48 triệu/biên chế được giao

Kinh phí lương đã bao gồm dự kiến nâng lương và kinh phí lương của biên chế thiếu theo định mức  
 Quỹ thưởng 73 tính trên hệ số lương (có bao gồm hệ số lương của biên chế thiếu theo định biên

## PHÂN BỐ DỰ TOÁN VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã Cẩm Giàng

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	TIẾT KIỆM CHI	DỰ TOÁN SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM CHI	GHI CHÚ
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.484.970</b>	<b>327.700</b>	<b>12.227.080</b>	
<b>I</b>	<b>Kinh phí của Văn phòng HĐND - UBND</b>	<b>10.883.970</b>	<b>313.300</b>	<b>9.940.480</b>	
1	Kinh phí lương VP UBND - HĐND	2.316.057		2.316.057	
2	Kinh phí hoạt động theo định mức biên chế + Tiền điện nước các phòng ban (VP UBND)	748.000	74.800	673.200	
3	Kinh phí hoạt động theo định mức biên chế giao của HĐND xã	240.000	24.000	216.000	
4	Kinh phí khoán xe ô tô	260.000	10.000	250.000	
5	Phụ cấp HĐND	349.596		349.596	
6	Kinh phí hoạt động theo định mức ĐB HĐND	1.245.000	124.500	1.120.500	
7	Kinh phí đại biểu HĐND	17.000		17.000	
8	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	153.317		153.317	
9	Kinh phí hoạt động TX, mua sắm, sửa chữa, chi khác	429.000	42.900	386.100	Nguồn chi khác
10	Chi TX khác	371.000	37.100	3.710	nguồn QLNN
11	Phụ cấp lực lượng an ninh cơ sở	2.404.000		2.404.000	
12	Chi nhiệm vụ an ninh khác	300.000			
14	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn	2.051.000		2.051.000	
<b>II</b>	<b>Kinh phí của Ban chỉ huy quân sự xã</b>	<b>2.601.000</b>	<b>14.400</b>	<b>2.286.600</b>	
1	Kinh phí lương	318.484		318.484	
2	Kinh phí hoạt động theo định mức biên chế	144.000	14.400	129.600	
3	Chi chính sách dân quân tự vệ	1.816.951		1.816.951	
4	Chi nhiệm vụ quốc phòng khác	300.000			
5	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	21.565		21.565	

Biên chế được giao UBND 11; HĐND 5 16 người

Biên chế hiện có: UBND 7; HĐND 4 11 người 05 HĐ

Định mức hoạt động 48 triệu/biên chế được giao

Kinh phí lương đã bao gồm dự kiến nâng lương và kinh phí lương của biên chế thiếu theo định mức

Quỹ thưởng 73 tính trên hệ số lương (có bao gồm hệ số lương của biên chế thiếu theo định mức)



## PHÂN BỐ DỰ TOÁN PHÒNG VĂN HÓA XÃ HỘI

(Kèm theo Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã Cẩm Giàng

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	TIẾT KIỆM CHI	DỰ TOÁN SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM CHI	GHI CHÚ
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.283.407</b>	<b>220.184</b>	<b>21.196.860</b>	
1	Kinh phí lương	1.193.569		1.193.569	
2	Kinh phí hoạt động theo định mức	344.000	34.400	309.600	
3	Kinh phí hoạt động TX, mua sắm, sửa chữa, chi khác	100.000	10.000	90.000	chi khác
4	Chỉnh lý tài liệu	130.000	13.000	117.000	
5	Chi hỗ trợ cán bộ làm công tác chuyển đổi số	60.000		60.000	
6	Chi TX hoạt động KHCN	200.000	20.000	180.000	
7	Chi sự nghiệp VH (hoạt động văn hóa, văn nghệ, di tích, công tác thi đua, khen thưởng, chi khác)	500.000	50.000	450.000	
8	Kinh phí khen thưởng NĐ 73	77.838	7.784	70.054	
9	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	650.000	65.000	585.000	
10	Chi hoạt động TDTT	200.000	20.000	180.000	
11	Kinh phí bảo trợ xã hội	17.961.637		17.961.637	
12	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 05/2023/NQ-HĐND	498.000			
13	Kinh phí quà tết, quà 27/7 cho đối tượng người có công, chi khác	3.368.363			

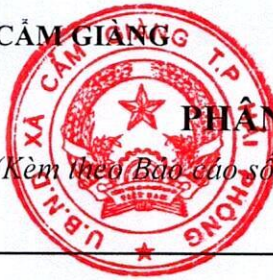
Biên chế được giao: 08 người

Biên chế hiện có: 06 người 02 HĐ

Định mức hoạt động 48 triệu/biên chế được giao

Kinh phí lương đã bao gồm dự kiến nâng lương và kinh phí lương của biên chế thiếu theo định mức

Quỹ thưởng 73 tính trên hệ số lương (có bao gồm hệ số lương của biên chế thiếu theo định biên



## PHÂN BỐ DỰ TOÁN PHÒNG KINH TẾ

(Kèm theo Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã Cẩm Giàng)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	TIẾT KIỆM CHI	DỰ TOÁN SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM CHI	GHI CHÚ
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.502.338</b>	<b>1.708.600</b>	<b>31.706.803</b>	
1	Kinh phí lương	1.300.476		1.300.476	
2	Kinh phí hoạt động theo định mức CV	387.000	38.700	348.300	
3	Kinh phí hoạt động TX, mua sắm, sửa chữa, chi khác	300.000	30.000	270.000	
3	Kinh phí thưởng theo Nghị định 73	86.936			
4	Kinh phí lĩnh vực bảo vệ môi trường	3.929.000	392.900	3.536.100	
5	Kinh phí lĩnh vực kiến thiết thị chính	1.500.000	150.000	1.350.000	
6	Kinh phí lĩnh vực giao thông	7.222.000	722.000	6.500.000	
7	Kinh phí sự nghiệp kinh tế khác	1.000.000	100.000	900.000	
8	Kinh phí sự nghiệp Nông nghiệp	17.776.927	275.000	17.501.927	

Biên chế được giao: 08 người

Biên chế hiện có: 06 người 02 HĐ

Định mức hoạt động 48 triệu/biên chế được giao

Kinh phí lương đã bao gồm dự kiến nâng lương và kinh phí lương của biên chế thiếu theo định mức

Quy thưởng 73 tính trên hệ số lương (có bao gồm hệ số lương của biên chế thiếu theo định biên)

UBND XÃ CẨM GIÀNG

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG**

(Kèm theo Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã Cẩm Giàng)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	TIẾT KIỆM CHI	DỰ TOÁN SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM CHI	GHI CHÚ
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.696.092</b>	<b>64.400</b>	<b>1.631.692</b>	
	Kinh phí lương	986.553		986.553	
	Kinh phí hoạt động theo định mức CV	344.000	34.400	309.600	
	Kinh phí hoạt động TX, mua sắm, sửa chữa, chi khác	300.000	30.000	270.000	
	Kinh phí thưởng theo NĐ73	65.539		65.539	

Biên chế được giao: 08 người

Biên chế hiện có: 05 người 03 HĐ

Định mức hoạt động 48 triệu/biên chế được giao

Kinh phí lương đã bao gồm dự kiến nâng lương và kinh phí lương của biên chế thiếu theo định mức

Quỹ thưởng 73 tính trên hệ số lương (có bao gồm hệ số lương của biên chế thiếu theo định biên

UBND XÃ CẨM GIÀNG

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG**

(Kèm theo Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã Cẩm Giàng

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	TIẾT KIỆM CHI	DỰ TOÁN SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM CHI	GHI CHÚ
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.691.073</b>	<b>70.700</b>	<b>1.620.373</b>	
	<b>Lĩnh vực VH</b>	<b>892.000</b>	<b>18.000</b>	<b>874.000</b>	
	Kinh phí lương	652.000		652.000	
	Kinh phí định mức chi công việc	180.000	18.000	162.000	
	Kinh phí thưởng theo NĐ73	60.000		60.000	
	<b>Lĩnh vực khuyến nông</b>	<b>344.073</b>	<b>7.200</b>	<b>336.873</b>	
	Kinh phí lương	252.445		252.445	
	Kinh phí định mức chi công việc	72.000	7.200	64.800	
	Kinh phí thưởng theo NĐ73	19.628		19.628	
	<b>Lĩnh vực phát thanh truyền hình</b>	<b>300.000</b>	<b>30.000</b>	<b>270.000</b>	
	Chi MS, sửa chữa, hoạt động chuyên môn	300.000	30.000	270.000	
	<b>Lĩnh vực TĐTT</b>	<b>155.000</b>	<b>15.500</b>	<b>139.500</b>	
	Chi tham gia ĐH, chi khác	155.000	15.500	139.500	

Biên chế được giao: 07 người

Biên chế hiện có: 04 người 01 HĐ Thiếu 02 người

Định mức hoạt động 36 triệu/biên chế được giao

Kinh phí lương đã bao gồm dự kiến nâng lương và kinh phí lương của biên chế thiếu theo định mức

Quỹ thưởng 73 tính trên hệ số lương (có bao gồm hệ số lương của biên chế thiếu theo định biên